

Bản án số 141/2023/HC-PT

Ngày 16/5/2023

Về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH**

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Chủ tọa phiên tòa:* ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

*Các Thẩm phán:* ông Phạm Tồn, ông Nguyễn Văn Tào

**- Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa theo hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 338/2022/TLPT-HC ngày 28/12/2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2022/HC-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo, kháng nghị. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 810/2023/QĐ-PT ngày 23/02/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

*Người khởi kiện:* bà Trần Thị N, sinh năm 1964, có mặt

Địa chỉ: Khối 2, thị trấn N1, huyện N1, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà N* là chị Nguyễn Thị Bích D (sinh năm 1997; trú tại nhà số 04 đường T, thôn T1, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng), có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N* là ông Lê Thanh L (sinh năm 1984; trú tại thôn T1, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng), vắng mặt.

*Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện N1, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: Khối 3, thị trấn N1, huyện N1, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền* là ông Nguyễn Chí D (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N1) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người bị kiện* là ông Trần Tr (Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện N1), có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Đinh Thị Kim C, sinh năm 1983, vắng mặt.

2. Chị Đinh Thị Tuyết Nh, sinh năm 1986, vắng mặt.

3. Anh Đinh Tấn Th, sinh năm 1991, vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Thu G, sinh năm 1991, vắng mặt.

Chị C, chị Nh, anh Th, chị G cùng địa chỉ: khối 2, thị trấn N1, huyện N1, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là* chị Nguyễn Thị Bích D (sinh năm 1997; trú tại nhà số 04 đường T, thôn T1, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng), có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Năm 1993 vợ chồng ông Phan Kiều O, bà Lương Thị Tr1 nhận chuyển nhượng của Hợp tác xã mành trúc H2 (thuộc địa giới hành chính thị trấn N1) một diện tích đất hồ nuôi tôm. Năm 1996 ông O có *Đơn xin don đất làm nhà* diện tích 110m<sup>2</sup>, Đơn được UBND thị trấn N1 xác nhận ngày 29/10/1996. Ngày 20/10/1998 vợ chồng ông O, bà Tr1 ký *Giấy chuyển nhượng khu nhà ở* chuyển nhượng nhà gắn liền 110m<sup>2</sup> đất cho vợ chồng bà Trần Thị N, ông Đinh Tấn Th1 (ông Th1 chết năm 2009). Sau khi nhận chuyển nhượng đất, vợ chồng bà N tiếp tục bồi đắp bãi bồi ven sông TG và tiến hành sửa chữa, xây dựng ngôi nhà cấp IV để ở. Quá trình quản lý, sử dụng đất vợ chồng bà N thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, nhưng năm 2001 khi thị trấn N1 thực hiện kê khai, đăng ký theo Nghị định 60/CP thì hộ gia đình bà N không kê khai, đăng ký thêm diện tích đất bồi đắp ven sông TG. Năm 2010, UBND huyện N1 cấp *Giấy chứng nhận số nhà* 1180/UB-CN công nhận gia đình bà N sử dụng nhà có đánh số 05 đường Quang Trung, khối 2 thị trấn N1. Theo Sổ mục kê đất đai được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam phê duyệt ngày 26/11/2015 thì diện tích đất hộ bà N đăng ký, sử dụng là 293,3m<sup>2</sup> loại đất ODT, thửa số 7, tờ bản đồ số 01, khối 2, thị trấn N1; Hồ sơ đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính được UBND huyện N1 duyệt ngày 17/12/2019 thì diện tích đất hộ bà N hiện sử dụng là 347m<sup>2</sup>, thửa số 7, mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 1-2019.

Thực hiện dự án xây dựng cầu Tam Giang, ngày 10/12/2020 Ủy ban nhân dân huyện N1 ban hành các Quyết định số 8188/QĐ-UBND, số 8189/QĐ-UBND và ngày 31/12/2020 ban hành Quyết định số 9016/QĐ-UBND, theo đó công nhận hộ bà N có quyền sử dụng 138m<sup>2</sup> đất (gồm 66,1m<sup>2</sup> đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ; 71,9m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản) nên quyết định thu hồi của hộ bà N 138m<sup>2</sup> đất, bồi thường hỗ trợ 555.510.650 đồng, bố trí 1 lô đất tái định cư nhưng phải nộp 100% tiền sử dụng đất là 118.980.000 đồng vì xác định toàn bộ 138m<sup>2</sup> thu hồi của hộ bà N không đủ điều kiện bồi thường về đất ở. Cùng ngày 10/12/2020 Ủy ban nhân dân huyện N1 ban hành Quyết định số 8190/QĐ-UBND thu hồi 209m<sup>2</sup> đất hiện gia đình bà N đang sử dụng, nhưng được xác định là đất ven Sông do UBND thị trấn N1 quản lý nên hộ bà N không được công nhận quyền sử dụng đất, không được hưởng quyền lợi bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

Tháng 01 năm 2021 bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 8188/QĐ-UBND, số 8189/QĐ-UBND và số 8190/QĐ-UBND và 9016/QĐ-UBND nêu trên vì cho rằng gia đình bà N phải được công nhận quyền sử dụng toàn bộ 347m<sup>2</sup> đất, từ đó yêu cầu UBND huyện N1 ban hành lại các Quyết định thu hồi, bồi thường, bố trí tái định cư trên cơ sở phải xác định toàn bộ 347m<sup>2</sup> đất thu hồi của hộ bà N là đất ở.

Bản án hành chính sơ thẩm (bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành) số 53/2021/HC-ST ngày 03/8/2021 của TAND tỉnh Quảng Nam, quyết định: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N, hủy các Quyết định số 8188/QĐ-UBND, số 8189/QĐ-UBND và số 8190/QĐ-UBND cùng ngày 10/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện N1 và Thông báo số 1241/UBND-BQL ngày 22/9/2020 về công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi diện tích 347m<sup>2</sup> đất hộ bà N hiện quản lý, sử dụng để thực hiện dự án xây dựng cầu Tam Giang; buộc UBND huyện N1 ban hành lại các Quyết định về công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi của hộ bà N diện tích 347m<sup>2</sup> đất theo đúng quy định của pháp luật, *với nhận định (tóm tắt):* Hộ bà N đang sử dụng 347m<sup>2</sup> đất có nguồn gốc một phần nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông O và một phần đất bồi đắp bãi bồi ven Sông TG, đã xây dựng nhà ở, công trình phụ từ năm 1998 đến nay, không có tranh chấp, không bị xử lý vi phạm về đất đai; năm 2010 được cấp Giấy chứng nhận số nhà và Thông báo nộp thuế số 4938/TB-CCT ngày 27/9/2019 của Chi cục Thuế huyện N1 thể hiện hộ bà N phải nộp thuế “thu từ đất ở đô thị” và theo các Trích lục bản đồ kèm theo các Quyết định 8188/QĐ-UBND, số 8189/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND huyện N1 thể hiện loại đất bị thu hồi theo các quyết định này là ODT + CLN. Căn cứ ký hiệu đất thể hiện trên bản đồ địa chính, mảnh trích đo địa chính được quy định tại mục 13 Phụ lục số 01 Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì mã ODT là loại đất ở đô thị, mã CLN là loại đất trồng cây lâu năm nên theo quy định tại Điều 101, khoản 5, 6 Điều 103 Luật Đất đai 2013, khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 thì hộ bà N đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất ở theo hiện trạng sử dụng, với diện tích đất ở được xác định trong hạn mức đất ở do UBND tỉnh Quảng Nam quy định. Do đó, các Quyết định của UBND huyện N1 không công nhận, bồi thường đất ở (có bố trí 01 lô đất tái định cư nhưng buộc phải nộp 100% tiền sử dụng đất) và không bồi thường đối với diện tích 209m<sup>2</sup> đất bị thu hồi và đối với nhà, công trình xây dựng trên đất chỉ bồi thường 80% giá trị là không đúng quy định của pháp luật.

Thi hành bản án có hiệu lực pháp luật:

UBND huyện N1 ban hành Quyết định số 17364/QĐ-UBND ngày 13/9/2021, công nhận hộ bà N có quyền sử dụng 347m<sup>2</sup> đất (gồm 200m<sup>2</sup> đất ở đô thị - ODT và 147m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm - CLN); ban hành Quyết định số 20961/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 thu hồi 347m<sup>2</sup> đất nêu trên; ban hành Quyết định số 21228/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình bà N 1.138.521.936 đồng, bố trí 01 lô đất tái định cư; ban hành Quyết định số 21526/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 bổ sung chi phí hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm số tiền 13.524.000 đồng; ban hành Quyết định số 21527/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 hỗ trợ về đất cho bà N thêm số tiền 720.000.000 đồng (số tiền này khấu trừ nghĩa vụ nộp tiền sử dụng khi nhận đất tái định cư).

Ngày 26/01/2022 bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định 17364/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 vì Quyết định này chỉ công nhận hộ bà N có quyền sử dụng 200m<sup>2</sup> đất ở đô thị - ODT và 147m<sup>2</sup> đất trồng

cây lâu năm - CLN là không đúng mà theo bà N thì phải công nhận toàn bộ 347m<sup>2</sup> thu hồi của hộ bà N là đất ở đô thị - ODT vì gia đình bà N có 02 hộ sinh sống trên đất mà hạn mức đất ở phải công nhận cho mỗi hộ là 200m<sup>2</sup> và vấn đề này đã được Bản án hành chính sơ thẩm số 53/2021/HC-ST ngày 03/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận định rõ.

- Hủy Quyết định số 20961/QĐ-UBND ngày 02/12/2011 và hủy Quyết định số 21228/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 vì: chỉ áp giá thu hồi 200m<sup>2</sup> đất ở, còn lại áp giá 147m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm là không đúng, lẽ ra phải áp giá thu hồi toàn bộ 347m<sup>2</sup> đất ở; chỉ bố trí một lô đất tái định cư, nhưng buộc nộp 685.260.000 đồng tiền sử dụng đất là không đúng; chỉ bồi thường hỗ trợ thêm 411.759.936 đồng là chưa thỏa đáng, lẽ ra phải thưởng cho việc bà N vì bàn giao mặt bằng sớm và cho bà N hưởng thêm tiền chính sách gia đình thờ cúng liệt sĩ.

- Yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện N1 ban hành lại các Quyết định công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ tái định cư trên cơ sở công nhận hộ bà N có quyền sử dụng 347m<sup>2</sup> đất ở, không phải nộp tiền sử dụng đất, giao 2 lô đất tái định cư và bảo đảm một số quyền lợi khác.

- Người bị kiện là UBND huyện N1 trình bày:

+ Bản án hành chính sơ thẩm số 53/2021/HC-ST ngày 03/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận định diện tích 347m<sup>2</sup> của hộ bà N đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất ở theo hiện trạng sử dụng với diện tích đất ở được xác định trong hạn mức đất ở theo quy định của UBND tỉnh Quảng Nam. Thực hiện Bản án có hiệu lực, UBND huyện N1 đã ban hành lại Quyết định số 17364/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 công nhận hộ bà N có quyền sử dụng 347m<sup>2</sup> đất (gồm 200m<sup>2</sup> đất ở đô thị - ODT và 147m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm - CLN) có thời điểm sử dụng đất từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 là đúng nhận định trong bản án và đúng hạn mức đất ở đô thị 200m<sup>2</sup> quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 7 Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về hạn mức giao, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Việc bà N yêu cầu UBND huyện N1 công nhận toàn bộ diện tích 347m<sup>2</sup> gia đình bà N đang sử dụng là đất ở đô thị - ODT là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

+ Về thu hồi đất thì UBND huyện N1 ban hành Quyết định số 20961/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 thu hồi của hộ bà N 347m<sup>2</sup> đất (gồm 200m<sup>2</sup> đất ở và 147m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) là đúng diện tích, loại đất đã công nhận cho hộ bà N tại Quyết định số 17364/QĐ-UBND ngày 13/9/2021.

+ Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Ngày 07/12/2021 UBND huyện N1 ban hành Quyết định số 21228/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình bà N số tiền 1.138.521.936 đồng và bố trí tái định cư lô đất số CL12-12 thuộc dự án Đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư Tam Quang (giai đoạn 4). Ngày 24/12/2021, UBND huyện N1 ban hành Quyết định số 21526/QĐ-UBND hỗ trợ chi phí đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm việc làm cho hộ bà N 13.524.000 đồng. Ngày 24/12/2021, UBND huyện N1 ban hành Quyết định số 21527/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ hỗ trợ về đất cho bà N thêm 720.000.000 đồng. Hộ bà N sử dụng đất sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại

khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai nên phải nộp 50% tiền sử dụng đất (Cơ quan Thuế đã có thông báo nộp 50% tiền sử dụng đất).

+ Về khoản hỗ trợ đối với thân nhân thờ cúng liệt sỹ thì bà N có đề nghị nhưng chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh là thân nhân chủ yếu, đang trực tiếp thờ cúng liệt sỹ theo quy định của pháp luật nên UBND huyện N1 không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Vì những lý do trên, UBND huyện N1 đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

**Tại bản án hành chính sơ thẩm số 82/2022/HC-ST ngày 25/8/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:**

*Căn cứ Điều 3, Điều 116, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:*

*[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về việc: Hủy Quyết định số 17364/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N1 về công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án Cầu Tam Giang tại thị trấn N1; hủy Quyết định số 20961/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N1 về việc thu hồi đất cho hộ gia đình, cá nhân; hủy Quyết định số 21228/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N1 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Thị N để giải phóng mặt bằng dự án Cầu Tam Giang (đợt 6) tại thị trấn N1, huyện N1, tỉnh Quảng Nam; buộc Ủy ban nhân dân huyện N1 ban hành lại quyết định công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi, bồi thường và tái định cư cho bà Trần Thị N (đối với diện tích đất 347m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 07, tờ bản đồ số 01 tại khối 2, thị trấn N1, huyện N1, tỉnh Quảng Nam) theo đúng quy định của pháp luật.*

*[2] Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000096 ngày 23/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.*

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 29/8/2022 bà Trần Thị N kháng cáo.

- Tại Quyết định số 26/QĐ-VKS-HC ngày 07/9/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy các Quyết định của UBND huyện N1, buộc UBND huyện N1 ban hành lại các quyết định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện (bà Trần Thị N) giữ nguyên kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị bác kháng cáo của bà N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà N và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy các quyết định về công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư mà UBND huyện N1 đã ban hành, buộc UBND huyện N1 ban hành lại các quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Năm 1993 vợ chồng ông O, bà Tr1 nhận chuyển nhượng của Hợp tác xã mành trúc H2 hồ nuôi tôm thuộc địa giới hành chính thị trấn N1, huyện N1. Năm 1996 ông O làm *Đơn xin đôn đất làm nhà* diện tích 110m<sup>2</sup>, Đơn được UBND thị trấn N1 xác nhận ngày 29/10/1996. Ngày 20/10/1998 vợ chồng ông O, bà Tr1 ký *Giấy chuyển nhượng khu nhà ở* chuyển nhượng cho vợ chồng bà N, ông Th1 (ông Th1 chết năm 2009) nhà gắn liền 110m<sup>2</sup> đất nên hồ sơ đo đạc kèm Bản đồ ngày 17/12/2019 ghi hộ bà N hiện sử dụng 347m<sup>2</sup> đất. Thực hiện dự án xây dựng cầu Tam Giang, ngày 10/12/2020 Ủy ban nhân dân huyện N1 ban hành các Quyết định số 8188/QĐ-UBND, số 8189/QĐ-UBND, số 8190/QĐ-UBND và ngày 31/12/2020 ban hành Quyết định số 9016/QĐ-UBND công nhận hộ bà N có quyền sử dụng 138m<sup>2</sup> đất (gồm 66,1m<sup>2</sup> đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ và 71,9m<sup>2</sup> đất nuôi trồng thủy sản, còn lại 209m<sup>2</sup> là đất lấn chiếm) nên thu hồi toàn bộ 347m<sup>2</sup> đất, nhưng chỉ bồi thường 138m<sup>2</sup> đất ở với số tiền 555.510.650 đồng (nhưng phải nộp 100% tiền sử dụng đất), đồng thời bố trí 1 lô đất tái định cư,.

[2] Sau khi Bản án hành chính sơ thẩm số 53/2021/HC-ST ngày 03/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam có hiệu lực pháp luật {với quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà N hủy các Quyết định số 8188/QĐ-UBND, số 8189/QĐ-UBND, số 8190/QĐ-UBND và số 9016/QĐ-UBND nêu trên của UBND huyện N1, buộc UBND huyện N1 ban hành lại các quyết định theo đúng quy định của pháp luật} thì UBND huyện N1 đã ban hành lại các quyết định như sau:

+ Quyết định số 17364/QĐ-UBND ngày 13/9/2021, công nhận hộ bà N có quyền sử dụng 347m<sup>2</sup> đất gồm 200m<sup>2</sup> đất ở đô thị (ODT) và 147m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm (CLN) và Quyết định số 20961/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 thu hồi 347m<sup>2</sup> đất nêu trên;

+ Quyết định số 21228/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất cho hộ gia đình bà N số tiền 1.138.521.936 đồng (áp giá đền bù 200m<sup>2</sup> đất ở, nhưng phải nộp 50% tiền sử dụng đất), bố trí 01 lô đất tái định cư diện tích 122,9m<sup>2</sup>;

+ Quyết định số 21526/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 hỗ trợ chi phí đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm số tiền 13.524.000 đồng;

+ Quyết định số 21527/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 hỗ trợ cho hộ bà N thêm số tiền 720.000.000 đồng (số tiền này khấu trừ đủ số tiền mà hộ bà N phải nộp khi nhận đất tái định cư).

[3] Không đồng ý với các quyết định công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi quyền sử dụng đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư mà UBND huyện N1 ban hành lại lần thứ hai như trên, bà N tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 17364/QĐ-UBND ngày 13/9/2021, số 20961/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 và số 21228/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 vì: + Nội dung các quyết định này chỉ công nhận, thu hồi, bồi thường đối với hộ bà N 200m<sup>2</sup> đất ở đô thị, 147m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, theo bà N phải công nhận, thu hồi, bồi thường 347m<sup>2</sup> đất ở đô thị; + Gia đình bà N có 2 hộ sinh sống trên đất, nhưng chỉ giao một lô đất tái định cư, theo bà N, phải giao 2 lô đất tái định cư; + Buộc nộp 50% tiền sử dụng 200m<sup>2</sup> đất ở số tiền 685.260.000 đồng là không đúng, lẽ ra không phải nộp; + Chỉ bồi thường, hỗ trợ thêm 411.759.936 đồng là chưa thỏa đáng vì lẽ ra phải thưởng thêm vì gia đình bà N bàn giao mặt bằng sớm và lẽ ra phải cho bà N hưởng thêm tiền gia đình chính sách vì thờ cúng liệt sĩ.

[4] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: (i). Nguồn gốc diện tích 347m<sup>2</sup> đất hộ gia đình bà N sử dụng trước khi bị thu hồi làm cầu Tam Giang là đất vợ chồng bà N, ông Đinh Tấn Th1 (đã chết) nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông O, bà Tr1 tại *Giấy chuyển nhượng khu nhà ở* ngày 20/10/1998, khi chuyển nhượng chỉ có 110m<sup>2</sup> đất ở (theo nội dung *Đơn xin đôn đất làm nhà bên đầm nuôi tôm* của ông O được UBND thị trấn N1 xác nhận ngày 29/7/1996), còn lại 237m<sup>2</sup> là đất vợ chồng bà N lấn sông TG; (ii). Căn cứ Bản án hành chính sơ thẩm số 53/2021/HC-ST ngày 03/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam có hiệu lực pháp luật [nhận định: “*hộ bà N đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất ở theo hiện trạng sử dụng, với diện tích đất ở được xác định trong hạn mức đất ở do UBND tỉnh Quảng Nam quy định*”]; (iii). Căn cứ thực tế hộ bà N sử dụng đất sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 mà không có giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì phải nộp 50% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất ở trong hạn mức giao đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền; (iii). Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 7 Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam [*quy định hạn mức giao, hạn mức công nhận đất ở đối với khu vực 1 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam là không quá 200m<sup>2</sup>*] thì việc UBND huyện N1 ban hành lại các Quyết định số 17364/QĐ-UBND ngày 13/9/2021, số 20961/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 và số 21228/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 công nhận hộ bà N có quyền sử dụng 200m<sup>2</sup> đất ở, 147m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, từ đó áp giá thu hồi 200m<sup>2</sup> đất ở (phải nộp 50% tiền sử dụng đất), 147m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm là có cơ sở, đúng pháp luật. Xét, nguồn gốc hộ bà N chỉ nhận chuyển nhượng và có quyền sử dụng 110m<sup>2</sup> đất ở, còn lại là đất lấn sông TG, nhưng Ủy ban nhân dân huyện N1 đã công nhận cho hộ bà N có quyền sử dụng 200m<sup>2</sup> đất ở, 147m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm khi áp giá đền bù; giao 01 lô đất tái định cư diện tích 126,9m<sup>2</sup>; đồng thời hỗ trợ chi phí đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm số tiền 13.524.000 đồng (Quyết định số 21526/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 – bút lục 127) và còn bồi thường, hỗ trợ thêm về đất số tiền 720.000.000 đồng (Quyết định số 21527/QĐ-UBND ngày

24/12/2021 – bút lục 125) là đã đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình bà N.

[5] Xét, việc bà N yêu cầu khoản tiền thưởng vì bàn giao sớm tiền độ và yêu cầu được hưởng chính sách đối với gia đình thờ cúng liệt sĩ, thấy rằng sau khi bà N từ chối nhận tiền bồi thường, UBND huyện N1 đã thực hiện gửi toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà N vào tài khoản Kho bạc Nhà nước huyện N1 và ban hành Thông báo số 03/TB-PTQĐ ngày 10/01/2022 thông báo cho bà N về việc này. Ngày 11/02/2022 UBND huyện N1 ban hành Quyết định số 1020/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà N thừa nhận bà N đã nhận được Quyết định số 1020/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của UBND huyện N1 nhưng vì không đồng ý nên bà N không bàn giao mặt bằng, đến ngày 25/3/2022 làm việc với UBND thị trấn N1 bà N mới thống nhất bàn giao mặt bằng vào ngày 28/3/2022. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 27 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam xác định hộ bà N không đủ điều kiện để được hỗ trợ tiền thưởng bàn giao mặt bằng sớm là có căn cứ, đúng pháp luật. Hồ sơ vụ án, bà N có cung cấp Bằng Tổ quốc ghi công Liệt sĩ Đinh Căn - Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Tam Giang, huyện N1, tỉnh Quảng Nam theo Quyết định số 660/TTg ngày 28/6/1977 của Thủ tướng Chính phủ; tuy nhiên, theo Quyết định số 4891/QĐ-LĐTBXH ngày 03/3/2014 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Nam và Đơn đề nghị hưởng trợ cấp thờ cúng Liệt sĩ ngày 14/7/2015 thì người được trợ cấp thờ cúng liệt sĩ Đinh Căn là ông Đinh Văn Hùng (con của Liệt sĩ Đinh Căn), không phải vợ chồng bà N; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định không có cơ sở để xem xét yêu cầu hưởng chính sách đối với gia đình thờ cúng liệt sĩ của bà Trần Thị N là đúng.

[6] Từ các tài liệu viện dẫn và phân tích tại các mục trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện lần thứ hai (ngày 26/01/2022) của bà Trần Thị N yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 17364/QĐ-UBND ngày 13/9/2021, Quyết định số 20961/QĐ-UBND ngày 02/12/2011, Quyết định số 21228/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND huyện N1, buộc UBND huyện N1 ban hành lại các Quyết định công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ và giao đất tái định cư là có căn cứ, đúng pháp luật nên cấp phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của bà N và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; bà N kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 bác đơn kháng cáo của bà Trần Thị N cũng như Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 82/2022/HC-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, cụ thể:

Căn cứ Điều 3, Điều 116, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N {gồm các yêu cầu: hủy Quyết định số 17364/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N1 về công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án Cầu Tam Giang tại thị trấn N1; hủy Quyết định số 20961/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N1 về việc thu hồi đất cho hộ gia đình, cá nhân; hủy Quyết định số 21228/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N1 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Thị N để giải phóng mặt bằng dự án Cầu Tam Giang (đợt 6) tại thị trấn N1, huyện N1, tỉnh Quảng Nam; buộc Ủy ban nhân dân huyện N1 ban hành lại quyết định công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi, bồi thường và tái định cư cho bà Trần Thị N (đối với diện tích đất 347m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 07, tờ bản đồ số 01 tại khối 2, thị trấn N1, huyện N1, tỉnh Quảng Nam) theo đúng quy định của pháp luật}.

[2] Về án phí hành chính sơ thẩm: bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000096 ngày 23/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000230 ngày 12/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đặng Kim Nhân**